

Số: 03 /BC-VTTC-BKS

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO

V/v Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại- Vinacomin

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và Điều lệ Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin. Ban Kiểm soát công ty xin trình bày trước Đại hội đồng cổ đông công ty về kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 của công ty cổ phần Du lịch và Thương mại- Vinacomin.

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2019 do Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại- Vinacomin lập, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO được phát hành tại báo cáo kiểm toán số 64/2020/BCKT-BDO ngày 17 tháng 3 năm 2020.

Ban kiểm soát Công ty thực hiện Thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2019, kết quả đánh giá như sau :

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động SXKD năm 2019 :

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch ĐHĐCĐ 2019	Thực hiện năm		% Thực hiện 2019 so với	
				2018	2019	KH 2019	TH 2018
1	Doanh thu	Triệu đ	1 371 820	1.694.088	1.783.370	130,00	105,27
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đ	8 350	12 923	13 613	163,03	104,99
4	Cổ tức/Vốn CP	%	14	14	14	100,00	100,00
5	Đơn giá Tlg đ/1000đ GTSX	Đồng	450	421,8	450.	100,00	106,69
6	Tổng quỹ lương	Triệu đ	54 355	42 837	68 418	125,87	159,72
7	Lao động bình quân		594	372	586	98,65	157,53
8	Tiền lương bq/người/tháng	Triệu đ	7,63	9,60	9,73	127,59	101,39

Thực hiện các chỉ tiêu hoạt động SXKD năm 2019 của Công ty so với kế hoạch năm 2019 và so với thực hiện cùng kỳ năm 2018 đều đạt vượt kế hoạch ĐHĐCĐ năm 2019.

2. Kết quả thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2019 của Công ty:

Nội dung thẩm định: Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO; xem xét công tác kiểm kê tài sản thông qua các hồ sơ kiểm kê, nhìn nhận số lượng, chủng loại vật tư hàng hóa còn tồn kho; về công nợ phải thu, nợ phải trả đến thời điểm 31/12/2019 kiểm tra xác định về mức độ an toàn của từng khoản nợ phải thu, thông qua biên bản xác nhận nợ của khách nợ tại thời điểm

31/12/2019, đối với những khoản nợ chưa có biên bản đối chiếu nợ, nhưng còn nợ phải thu – Ban kiểm soát đã kiểm tra chứng từ thu hồi nợ (Báo có, thu tiền mặt) đầu năm 2020; Đối với các khoản nợ đã quá hạn thanh toán, kiểm tra việc trích lập dự phòng đã tuân thủ theo quy định của Bộ tài chính; Sau khi xem xét, thẩm tra Ban kiểm soát có nhận xét như sau:

- Năm 2019, Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành. Tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán, lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp và nhất quán, phù hợp với đặc điểm hoạt động SXKD và yêu cầu quản lý của Công ty.

- Lập báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm theo quy định của Bộ Tài chính và báo cáo quản trị của Công ty .

- Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán tại báo cáo kiểm toán số 64/2020/BCTC – BDO, ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Công ty TNHH kiểm toán BDO.

Ban kiểm soát xác định các số liệu tài chính năm 2019 báo cáo trước ĐHĐCĐ năm 2020 là thể hiện trung thực, phản ánh đầy đủ tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

3. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 (Báo cáo tài chính đã được kiểm toán):

3.1 Phân phối lợi nhuận năm 2018:

Tỷ lệ chi trả cổ tức, trích lập quỹ Đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 Công ty thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và phân chia vào năm tài chính 2019.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019	Thực hiện
A	B	C	1	2
I	Lợi nhuận sau thuế 2018 chưa phân chia	Đồng	10 280 904 858	10 280 904 858
II	Lợi nhuận năm 2017 chưa phân chia	Đồng		
III	Lợi nhuận được phân chia (I + II)	Đồng	10 280 904 858	10 280 904 858
1	Trả cổ tức			
-	Vốn điều lệ	Đồng	25 000 560 000	25 000 560 000
-	Tỷ lệ trả cổ tức	%	14	14
-	Giá trị cổ tức tính theo tỷ lệ chi trả	Đồng	3 500 078 400	3 500 078 400
2	Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đó hết hạn được trừ vào lợi nhuận sau thuế	Đồng		
3	Lợi nhuận còn lại	Đồng	6 780 826 458	6 780 826 458
a	Trích quỹ Đầu tư phát triển (3 x 30%)	Đồng	2 034 247 938	2 034 247 938
b	Trích Quỹ thưởng Người quản lý (= 1,465 tháng lương Người quản lý)	Đồng	290 000 000	290 000 000
c	Trích quỹ khen thưởng (= 0,624 tháng lương trích vào giá thành SXKD năm 2018)	Đồng	2 228 289 260	2 228 289 260
d	Trích quỹ phúc lợi (= 0,624 tháng lương trích vào giá thành SXKD năm 2018)	Đồng	2 228 289 260	2 228 289 260

0101
 ĐNG
 SỐ PH
 H VÀ TH
 NACO
 3/1/19 -

3.2 Số liệu tài chính tổng hợp thời điểm 31/12/2019:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
A. Tổng tài sản		604.220.972.575	601.153.385.862
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	559.968.540.253	567.487.429.152
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	100.534.881.922	72.206.621.004
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	327.948.493.330	269.082.953.235
Trong đó: Dự phòng nợ phải thu khó đòi		-15.613.736.806	-15.922.446.434
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	129.563.878.297	224.943.996.296
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	1.921.286.704	1.253.858.617
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	44.252.432.322	33.665.956.710
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	506.657.293	507.658.465
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211-BCĐKT		
Trong đó: Dự phòng nợ phải thu dài hạn khó đòi	219-BCĐKT		
2. Tài sản cố định	220-BCĐKT	12.321.760.595	11.535.682.763
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	12.295.023.136	11.326.970.391
- Tài sản cố định thuê Tài chính	224-BCĐKT		
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	26.737.459	208.712.372
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT		
4. Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	9.346.363.636	295.179.091
Trong đó: Chi phí XDCB dở dang	242-BCĐKT	9.346.363.636	295.179.091
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT		
Trong đó: - Đầu tư vào công ty con	251-BCĐKT		
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254-BCĐKT		
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	22.077.650.798	21.327.436.391
B. Tổng nguồn vốn		604.220.972.575	601.153.385.862
I. Nợ phải trả	300-BCĐKT	546.685.176.958	541.080.593.853
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	546.685.176.958	541.080.593.853
Trong đó: Nợ quá hạn			
Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi	322-BCĐKT	7.276.152.498	7.221.406.057
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT		
II. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	57.535.795.617	60.072.792.009
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	57.488.388.290	60.072.792.009
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	25.000.560.000	25.000.560.000
Quỹ đầu tư phát triển	418-BCĐKT	22.206.923.432	24.241.171.370
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421-BCĐKT	10.280.904.858	10.831.060.639
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT	47.407.327	



4. Hệ số tài chính tại ngày 31/12/2019:

4.1 Bảo toàn vốn:

Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2018: 57.488 triệu đồng

Vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2019: 60.072 triệu đồng

Năm 2019 kết quả SXKD của Công ty đạt lợi nhuận sau thuế 10.831 triệu đồng, trong đó đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán và dự phòng bảo hành sản phẩm; Công ty bảo toàn và phát triển được vốn của các cổ đông.

4.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (hiện thời):

Tài sản ngắn hạn thời điểm 31/12/2019: 567.487 triệu đồng;

Nợ ngắn hạn thời điểm 31/12/2019: 541.080 triệu đồng;

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn 1,06 lần, tăng 0,02 lần so với năm 2018.

Như vậy tại thời điểm 31/12/2019 Công ty có đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn.

4.3 Hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu:

Nợ phải trả (sau khi trừ quỹ khen thưởng phúc lợi) thời điểm 31/12/2019: 533.859 triệu đồng.

Hệ số nợ phải trả /vốn CSH: 8,89 lần; giảm so với năm 2018 là 0,49 lần; chủ yếu do Công ty đã tích cực thu hồi công nợ phải thu, giảm được số dư nợ vay ngân hàng.

Trên đây là kết quả Thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin, Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông công ty.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (b/c),
- HĐQT, Ban KS cty;
- Lưu HSơ ĐH; Tký HĐQT.

